

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số 67/2017/HSST
Ngày 20 tháng 6 năm 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Trường.

Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lan.
2. Bà Hoàng Thị Hồng.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Ngô Văn Quang – Thư ký Toà án nhân dân thành phố B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B: Bà Trần Thị Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 66/2017/HSST ngày 15/5/2017; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2017/HSST-QĐ ngày 05/6/2017 đối với bị cáo:

- Họ tên: **NGUYỄN VĂN Q**, sinh năm 1985
- Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm Q, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.
- Nghề nghiệp: Tự do; Văn hoá: 5/12.
- Con ông: Nguyễn Văn N, sinh năm 1962.
- Con bà: chưa xác định được.
- Bị cáo là con duy nhất trong gia đình.
- Vợ: Trần Thị Y, sinh năm 1986.
- Con: bị cáo có 2 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2017.
- Tiền án: Bản án số 25 ngày 25/02/2014 của Toà án nhân dân thành phố B xử phạt **NGUYỄN VĂN Q** 02 năm 03 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 19/01/2016 (Bản án không buộc Q phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và hình phạt bổ sung).
- Tiền sự: không

Bị cáo bị bắt quả tang ngày 07/02/2017, chuyển tạm giam ngày 10/02/2017, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Bắc Giang.

(Có mặt)

*** Người làm chứng:**

1. Ông Hà Minh Đ, sinh năm 1992.

Địa chỉ: thôn M, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Giang.

(Vắng mặt)

2. Ông Dương Hồng C, sinh năm 1992.

Địa chỉ: thôn M, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Giang.

(Vắng mặt)

3. Ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1973.

Địa chỉ: tổ A, phường Q, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

(Vắng mặt)

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Trịnh Văn T, sinh năm 1980.

Địa chỉ: thôn C, xã H, huyện G, tỉnh Bắc Giang.

(Vắng mặt)

2. Bà Trần Thị Y, sinh năm 1986, Xóm Q, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

(Có mặt)

NHẬN THẤY:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 10 giờ 30 phút ngày 07/02/2017 tại khu vực đầu ngõ X đường Đ, phường Đ, thành phố B, tổ công tác Công an phường Q, thành phố B, tỉnh Bắc Giang bắt quả tang NGUYỄN VĂN Q, sinh năm 1985, trú tại: Xóm Q, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) gói giấy bạc có mặt ngoài màu trắng bạc, mặt trong màu trắng, bên trong có chứa chất cục bột màu trắng nghi là ma túy Hêrôin, thu tại nền đất cách chỗ Q đang đứng, được niêm phong trong phong bì thư ký hiệu “số 1”.

- 01 (một) túi nilon màu trắng có rãnh khoá nhựa và viền màu đỏ bên trong đựng 01 (một) gói giấy bạc có mặt ngoài màu vàng, mặt trong màu trắng, bên trong có chứa chất cục bột màu trắng nghi là ma túy Hêrôin, do Q lấy từ túi nhỏ bên phải quần bò Q đang mặc giao nộp, được niêm phong trong phong bì thư ký hiệu “số 2”;

- 01 xe mô tô nhãn hiệu QUICK NEWWAVE, màu nâu, BKS 98H2 - 0060.

Tổ công tác Công an phường Q tiến hành niêm phong vật chứng, lập biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang, bàn giao NGUYỄN VĂN Q cùng vật chứng cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B giải quyết.

Kết luận giám định số 166/KL-PC54 ngày 09/02/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận: “Trong phong bì thư có ký hiệu “số 1” đã được niêm phong gửi giám định: Chất cục bột màu trắng đựng trong 01 (một) gói giấy bạc mặt ngoài màu trắng bạc, mặt trong màu trắng là chất ma túy Hêrôin, có trọng lượng (khối lượng): 0,042 gam.

Trong phong bì thư có ký hiệu “số 2” đã được niêm phong gửi giám định: Chất cục bột màu trắng đựng trong 01 (một) gói giấy bạc mặt ngoài màu vàng, mặt trong màu trắng (được đựng trong 01 (một) túi nilon màu trắng một đầu có rãnh khoá nhựa và viền màu đỏ) là chất ma túy Hêrôin, có trọng lượng (khối lượng): 0,146 gam”.

Quá trình điều tra, NGUYỄN VĂN Q khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Bản Cáo trạng số 71/KSĐT ngày 05/5/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố các bị cáo NGUYỄN VĂN Q về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự.

Người đàn ông bán ma túy cho Q do Q khai không biết tên tuổi, địa chỉ cụ thể nên không có căn cứ xác minh xử lý.

Chiếc xe mô tô nhãn hiệu QUICK NEWWAVE, BKS 98H2-0060, Q khai vợ của Q (chị Trần Thị Y) mua của một người đàn ông không quen biết cách đây vài tháng. Đăng ký xe mang tên Trịnh Văn T, sinh năm 1980, trú tại thôn C, xã H, huyện G, tỉnh Bắc Giang. Khi Q lấy xe máy đi lấy hàng đồ chơi trẻ em về cho vợ Q bán, Q không nói cho chị Y biết việc Q mua ma túy để sử dụng.

Tại phiên tòa, Chị Trần Thị Y khai: Chị mua chiếc xe mô tô nhãn hiệu QUICK NEWWAVE, BKS 98H2-0060 của một người đàn ông không quen biết cách đây vài tháng, đăng ký xe mang tên Trịnh Văn T, sinh năm 1980, trú tại thôn C, xã H, huyện G, tỉnh Bắc Giang. Chị giao xe mô tô cho Q đi lấy hàng, chị không biết việc Q đi mua ma túy. Chị đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho chị chiếc xe mô tô đó để chị làm phương tiện đi lại.

Anh T không có mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai: Anh mua chiếc xe này năm 2013, đến năm 2015 thì bán lại cho một người không quen biết ở thành phố B, khi bán chỉ thoả thuận miệng mà không làm giấy tờ mua bán. Chiếc xe này được nhập kho vật chứng cùng mẫu vật hoàn lại sau giám định để xử lý theo quy định.

Qua việc tra cứu xe máy vật chứng, Phòng PC 52 Công an tỉnh Bắc Giang đã cung cấp kết quả tra cứu: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu QUICK NEWWAVE, BKS

98H2 - 0060, số máy 01778685, số khung 01778685, không có trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận như sau: Khoảng 09 giờ ngày 07/02/2017, Q đi xe mô tô BKS 98H2 - 0060 từ nhà đến thành phố B để mua hàng (đồ chơi trẻ em) về bán. Sau khi mua hàng, Q đi xe lên khu vực bờ đê CT thuộc tổ 1, phường Đ, thành phố B để mua ma túy về sử dụng. Tại đây, Q gặp và mua của một người đàn ông không quen biết được 01 gói ma túy Hêrôin với giá 50.000 đồng. Q cầm gói ma túy vừa mua được đút vào túi nilon màu trắng cất vào túi nhỏ bên phải quần bò đang mặc và điều khiển xe đi về. Khi đi đến đầu ngõ X, đường Đ, phường Đ, thành phố B thì bị tổ công tác Công an phường Q bắt quả tang, Q tự giác lấy gói ma túy ở trong túi quần giao nộp cho tổ công tác. Còn gói ma túy hêrôin thu giữ dưới nền đất không xác định được là của ai. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo NGUYỄN VĂN Q từ 27 tháng đến 30 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07/02/2017.

Về vật chứng: Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy 02 phong bì thư đựng mẫu vật được niêm phong dán kín hoàn lại sau giám định.

Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, trả lại cho chị Trần Thị Y, sinh năm 1986, Xóm Q, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang chiếc xe mô tô nhãn hiệu QUICK NEWWAVE, BKS 98H2 - 0060, số máy 01778685, số khung 01778685, đăng ký xe mang tên Trịnh Văn T, sinh năm 1980, trú tại thôn C, xã H, huyện G, tỉnh Bắc Giang.

Về án phí và hình phạt bổ sung: Gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo, đề nghị miễn án phí và hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên.

XÉT THẤY:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về

hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người làm chứng, biên bản phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ và kết quả giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang thấy đã có đủ cơ sở kết luận: Hồi 10 giờ 30 phút ngày 07/02/2017 tại khu vực đầu ngõ X đường Đ, phường Đ, thành phố B, tổ công tác Công an phường Q, thành phố B bắt quả tang NGUYỄN VĂN Q có hành vi tàng trữ trái phép 0,146 gam chất ma túy Hêrôin để sử dụng.

Xét về tính chất của vụ án thì thấy: Hành vi của bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố bị cáo theo khoản, điều luật như trên là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, việc tàng trữ, sử dụng các chất ma túy của bị cáo gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an của địa phương, gây ảnh hưởng không tốt đến gia đình và xã hội và là nguyên nhân làm phát sinh một số tội phạm nguy hiểm khác, là con đường lây lan của một số căn bệnh xã hội nguy hiểm cho bản thân bị cáo và xã hội.

Xét nhân thân của bị cáo thì thấy: Bản án số 25/2014/HSST ngày 25/02/2014 của Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt NGUYỄN VĂN Q 02 năm 03 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 19/01/2016. Nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học mà vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, do vậy cần xử cách ly bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội một thời gian mới đủ giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

Xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Trước cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, nên cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

Xét các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Năm 2014 bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 02 năm 03 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” nhưng chưa được xóa án tích. Lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 194 Bộ luật hình sự quy định “người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, tại biên bản xác minh ngày 24/4/2016 chủ tịch UBND xã S, huyện L xác nhận bị cáo thuộc diện hộ nghèo nên không có điều kiện nộp tiền phạt, cần miễn

hình phạt bổ sung cho bị cáo. Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về vật chứng: Cơ quan Công an đã thu giữ 02 phong bì thư đựng mẫu vật được niêm phong dán kín hoàn lại sau giám định là tang vật của vụ án, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với vật chứng là chiếc xe mô tô nhãn hiệu QUICK NEWWAVE, BKS 98H2 - 0060, số máy 01778685, số khung 01778685, đăng ký xe mang tên Trịnh Văn T, sinh năm 1980, trú tại xã H, huyện G, tỉnh Bắc Giang. Q khai vợ Q là Trần Thị Y sinh năm 1986, Xóm Q, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang bỏ tiền ra mua của một người đàn ông không quen biết cách đây vài tháng, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, cần trả lại cho chị Trần Thị Y chiếc xe mô tô trên.

Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo NGUYỄN VĂN Q phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật hình sự; phạt bị cáo NGUYỄN VĂN Q 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07/02/2017.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy 02 phong bì thư đựng mẫu vật được niêm phong dán kín hoàn lại sau giám định.

Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, trả lại cho chị Trần Thị Y, sinh năm 1986, Xóm Q, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang chiếc xe mô tô nhãn hiệu QUICK NEWWAVE, BKS 98H2 - 0060, số máy 01778685, số khung 01778685, đăng ký xe mang tên Trịnh Văn T, sinh năm 1980, trú tại xã H, huyện G, tỉnh Bắc Giang.

Vật chứng theo lệnh xuất kho vật chứng số 60/KSĐT ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B.

Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận

- TAND Tỉnh Bắc Giang.
- VKSND TP B.
- Công an TP B.
- Chi cục THADS TP.B.
- Người tham gia tố tụng.
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Trường